

Bản án số: **190/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày: 27/4/2020  
V/v tranh chấp “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Trúc Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Phó.
2. Ông Võ Văn Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lê Hoàng Lan Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 828/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2019 về việc tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/02/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Vũ Thanh P, sinh năm 1991;

Địa chỉ: 128, ấp Khu phố LMC xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Trương Lê Trung T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp PT, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(chị P có mặt, anh T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 14/11/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Trần Vũ Thanh P trình bày:

Chị và anh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Phong, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 47/2013, quyền số 01/2013, ngày 12/7/2013.

Sau khi kết hôn, chị về làm dâu sống cùng với gia đình chồng tại xã Phú Phong, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống tương đối hạnh phúc, đến khoảng năm 2016 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp. Chồng chị là người sống thiếu trách nhiệm, không quan tâm chăm sóc vợ con. Hai vợ chồng đã nhiều lần hòa giải mong hàn gắn hạnh phúc gia đình, thậm chí chị Ph nhiều lần nhờ cha mẹ đôi bên khuyên nhủ anh T sống có trách nhiệm hơn với vợ con nhưng không được. Hiện tại mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, anh chị đã ly thân từ tháng 11/2014 cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Trương Lê Trung T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Trần Gia B, sinh ngày 06/3/2015. Từ tháng 11/2014 cho đến nay, cháu B sinh sống cùng chị P bên nhà ngoại (mẹ ruột chị P) ở Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn Trương Lê Trung T đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do. Anh T cũng không có văn bản gửi Tòa án nêu ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của chị P.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị Phương vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Bị đơn Trương Lê Trung T vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang trình bày ý kiến: *Về phần thủ tục*, kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ mà pháp luật tố tụng dân sự quy định đối với bị đơn.

*Về việc giải quyết vụ án*, trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần ở mỗi giai đoạn tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Vụ án có quan hệ tranh chấp “Ly hôn”.

[3] Về hôn nhân: Chị P và anh T xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã Phú Phong, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số 01/2013 ngày 12/7/2013.

Tại phiên tòa, chị P trình bày nhiều vấn đề chứng minh giữa hai vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn, dẫn đến rạn nứt tình cảm từ tháng 11/2014. Từ đó, chị quyết định cùng con trai về nhà cha mẹ ruột ở Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang sinh sống từ tháng 11/2014 đến nay (bút lục 16). Vợ chồng chị cũng ly thân từ đó. Do không thể giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, tại tòa chị P vẫn kiên quyết xin được ly hôn với anh T. Phía anh T cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị P, thể hiện qua việc nhiều lần anh T vắng mặt ở các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, phiên tòa sơ thẩm mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Xét thấy, đời sống vợ chồng giữa chị P và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không hạnh phúc, anh chị không tìm được cách giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu xin ly hôn anh T của chị P là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Trương Trần Gia B, sinh ngày 06/3/2015. Xét từ khi anh chị ly thân đến nay, cháu B cùng chị P sinh sống bên nhà ngoại ở Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Chị P có công việc và thu nhập ổn định (bút lục 17-23). Từ đó cho thấy chị P có đủ điều kiện nuôi con, cũng như để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu B, Hội đồng xét xử

căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định tiếp tục giao cháu B cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến tuổi trưởng thành. Anh T tạm thời chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do chị P chưa có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền, đồng thời có nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở (quy định tại Khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014).

[5] Về tài sản chung: Chị P trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị P trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị P phải chịu án phí theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Khoản 2 Điều 81, Khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Vũ Thanh P.

- Về hôn nhân: Chị Trần Vũ Thanh P được ly hôn với anh Trương Lê Trung T.

- Về con chung: Giao con chung Trương Trần Gia B, sinh ngày 06/3/2015 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành. Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng: Tạm thời anh T chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

2/ Về án phí: Chị P phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, cân trừ với 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 01657 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị P đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3/ **Quyền kháng cáo:** Chị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Phú Phong;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

**HUỲNH THỊ TRÚC MAI**